TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2025
(V/v tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Trọng và bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXX - ST ngày 21/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị H**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Hà Văn H**, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt lần thứ hai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C. Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện T, tỉnh Hòa Bình;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt P – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Hà Văn H kết hôn ngày 05/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sống tại xóm H, xã V,

huyện T, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, từ năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng làm ăn xa nhà, anh H hay ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vã. Vợ chồng chị sống ly thân đến nay, chị và con trai về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống tới nay. Hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không còn tình cảm và khó có thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Hà Văn H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có con chung là Hà Anh V, sinh ngày 07/12/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng chị tại Xóm H, xã B, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Chị chưa yêu cầu anh Hà Văn H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Về nợ chung: Ngày 15/3/2024, vợ chồng vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay theo chương trình cận nghèo, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 05 năm, thời hạn trả nợ ngày 15/3/2029. Khi ly hôn, chị và anh Hà Văn H, mỗi người trả 1/2 tiền lãi và tiền gốc phát sinh theo sổ vay vốn.

***Phần trình bày của bị đơn*:**

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Toà án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, không tiến hành phiên hòa giải được và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Hà Văn H và chị Bùi Thị H vay Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện T theo chương trình hộ cận nghèo. Ngày vay 15/3/2024, ngày trả nợ cuối cùng 15/3/2029, dự nợ 50.000.000 đồng.

Quan điểm của Ngân hàng về việc giải quyết vụ án: Phòng giao dịch Ngân hàng C đề nghị Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ gốc và lãi phát sinh của khoản vay khi đến hạn theo Sổ vay vốn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định

tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84, khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hà Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Hà Anh V, sinh ngày 07/12/2012. Ghi nhận chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Hà Văn H việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh Hà Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung chung khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản vay khi đến hạn theo Sổ vay vốn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 05/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H có con chung là Hà Anh V, sinh ngày 07/12/2012.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị H giao nộp tại Tòa án: Giấy trích lục kết hôn giữa anh Hà Văn H và chị Bùi Thị H, đăng ký ngày 05/12/2011 (Bản chính); căn cước công dân mang tên Bùi Thị H; căn cước công dân mang tên Hà Văn H (bản sao); giấy khai sinh của con chung Hà Anh V (bản sao).

Tài liệu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp tại Tòa án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết việc ly hôn với anh Hà Văn H; địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện T, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H kết hôn ngày 05/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H: Chị H trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã từ, sống ly thân từ năm 2023, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh H tại xóm và gia đình anh H. Kết quả cho thấy: Anh H và chị H xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023, do vợ chồng hay đi làm ăn xa, ghen tuông và hay xảy ra cãi vã, chị H và con trai là cháu Hà Anh V đã chuyển hẳn về nhà mẹ đẻ sinh sống.Vợ chồng Hà Văn H và Bùi Thị H sống ly thân từ đó cho đến nay (bút lục 54 – 55). Gia đình anh H nhiều lần đón hai mẹ con chị H về và nói chuyện hòa giải hai bên gia đình nhưng chị H không đồng ý quay lại đoàn tụ với anh H nữa. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H có một con chung là Hà Anh V, sinh ngày 07/12/2012. Hiện nay, con chung đang ở với chị H. Xét yêu cầu được nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá

trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn H không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh H. Con chung đang sinh sống ổn định với chị H. Từ đầu năm 2025, anh H không quan tâm và hỗ trợ kinh tế với chị H để nuôi con chung. Chị H đang làm nhân viên Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Hòa Bình. Địa chỉ: Khu công nghiệp Vship, Từ Sơn, Bắc Ninh. Thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng. Do vậy, đề nghị của chị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị H được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận chị H chưa yêu cầu anh Hà Văn H việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Ngày 15/3/2024, vợ chồng chị vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay theo chương trình cận nghèo để chăn nuôi bò, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 05 năm, thời hạn trả nợ ngày 15/3/2029. Xét thấy khoản vay này chị Bùi Thị H đề nghị chị và anh Hà Văn H, mỗi người trả ½ số tiền nợ gốc và lãi khoản vay này khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn và Ngân hàng đồng ý là có căn cứ và phù hợp.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 và khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Anh V, sinh ngày 07/12/2012. Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Hà Văn H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H, mỗi người có nghĩa vụ trả Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn H, mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000743 ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hòa Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình. (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 05/12/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Phạm Thị Thu Hương